

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 155/2017/DS-ST
Ngày: 14 -8 - 2017
V/v: Đòi tài sản, Vay tài sản & chấp
hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – chủ Tòa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hùng

2. Bà Trần Thị Kim Hoa

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Hữu Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH,
Tỉnh Long an.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Long An tham gia phiên
tòa:*** Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH xét xử
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 407/2017/TLST- DS ngày 10 tháng 7
năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2017/QĐXXST-DS ngày 24
tháng 7 năm 2017 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: AM2, xã MHN, huyện ĐH, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Trần Huỳnh V, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1970 (có phản tố) (có mặt)

Cùng địa chỉ: AM 1, xã MHN, huyện ĐH, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2017 và trong những lời khai tiếp theo tại
Tòa án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P trình bày:*

1/ Đối với hợp đồng vay, bà T có vay của bà các số tiền sau:

Ngày 09/01/2015, bà cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng. Thời hạn vay khi nào có tiền thì bà T trả lại; Ngày 29/01/2015, bà cho bà T vay 30.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng; Ngày 02/02/2015, bà cho bà T vay 40.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng; Ngày 10/02/2015, bà cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng; Ngày 23/02/2015, bà cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng; Ngày 03/4/2015, bà cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng; Ngày 05/4/2015, bà cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng; Ngày 17/4/2015, bà cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng; Ngày 02/5/2015, bà cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng; Ngày 11/5/2015, bà cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng; Ngày 20/5/2015, bà cho bà T vay 10.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng; Ngày 28/5/2015, bà cho bà T vay 10.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng; Ngày 22/7/2015, bà cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng; Ngày 28/7/2015, bà cho bà T vay 10.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng; Ngày 27/10/2015, bà cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng; Ngày 29/02/2016, bà cho bà T vay 50.000.000 đồng lãi 5%/tháng. Hàng tháng bà T có đóng lãi đầy đủ cho bà.

Đến tháng 6/2016, bà T không có điều kiện đóng lãi nên ngày 15/7/2016 bà T có ghi nợ là 20.000.000 đồng (trong đó 5.600.000 đồng tiềnhui chết, còn lại 14.400.000 đồng là tiền lãi); Ngày 08/8/2016, bà T ghi nợ 24.200.000 đồng (trong đó tiền lãi là 18.600.000 đồng còn lại 5.600.000 đồng tiềnhui chết); Ngày 16/9/2016, bà T ghi nợ là 23.300.000 đồng (trong đó tiền lãi là 17.700.000 đồng còn lại là 5.600.000 đồng tiềnhui chết); Ngày 04/10/2016 bà T ghi nợ 37.600.000 đồng (trong đó tiềnhui chết là 5.600.000 đồng, tiền lãi là 22.000.000 đồng còn 10.000.000 đồng là tiền bà T mượn); Ngày 21/11/2016, bà T ghi nợ là 42.700.000 đồng (trong đó tiền lãi là 17.100.000 đồng tiềnhui chết 5.600.000 đồng và bà T mượn thêm 20.000.000 đồng).

Tổng số tiền bà T vay tiền gốc 350.000.000 đồng lãi hàng tháng trả 5%/tháng bà T đã trả lãi đến hết tháng 5/2016. Trong đó có phần tiền gốc 50.000.000 đồng bà T nhận ngày 29/02/2016 không trả lãi lần nào.

Tổng số tiền lãi và mượn thêm 30.000.000 đồng mà bà T nợ không trả 119.700.000 đồng từ ngày 15/6/2016 đến ngày 21/11/2016. Từ ngày 22/11/2016 đến nay tiền lãi không trả không ghi sổ nợ. Đến tháng ngày 01/5/2017 bà T có đưa cho bà là 106.000.000 đồng và 36.000.000 đồng tiền bà T trả nợ ngân hàng thay bà. Vậy bà có nhận là 142.000.000 đồng.

Như vậy tiền bà T thiếu tiền vốn 350.000.000 đồng + 119.700.000 đồng (30.000.000 mượn còn 89.700.000 đồng lãi từ ngày 15/6/2016 đến 21/11/2016) = 469.700.000 đồng.

2/ Tiền hụi bà T thiếu tiền hụi tháng: 19 kỳ x 2000.000 đồng = 38.000.000 đồng và 32.400.000 đồng hụi heo = 70.400.000 đồng. Bà T có tham gia đây hụi 2.000.000 đồng vào ngày 05/6/2016, bà T có đóng được 1.600.000 đồng nên bà khấu trừ tiền hụi bà T còn thiếu 68.800.000 đồng.

Tổng cộng bà T nợ là 469.700.000 đồng + 68.800.000 = 538.500.000 đồng, bà đồng ý khấu trừ số tiền bà T đã trả cho bà 142.000.000 đồng nên bà T chỉ còn thiếu: 538.500.000 đồng – 142.000.000 đồng = 396.500.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà T liên đới cùng chồng là ông Trần Huỳnh V trả cho bà số tiền 396.500.000 đồng.

Đối với bị đơn Võ Thị Thu T (có yêu cầu phản tố) trình bày: Bà xác định có vay bà P là 350.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng. Hàng tháng có trả lãi đầy đủ đến hết tháng 5/2016 thì không trả lãi nữa. Riêng số tiền mượn 50.000.000 đồng ngày 29/02/2016 chưa trả lãi lần nào. Từ tháng 6/2016 đến tháng 11/2016, bà có ghi nợ lãi cho bà P là 119.700.000 đồng. Tiền hụi có nợ bà P là 70.400.000 đồng nhưng bà có đóng một lần hụi sống cho bà P là 1.600.000 đồng nên tiền hụi chỉ còn thiếu 68.800.000 đồng. Tháng 5/2017 bà có đưa bà P 106.000.000 đồng và trả nợ thay Ngân hàng cho bà P là 36.000.000 đồng. Tổng cộng là 142.000.000 đồng. Nay bà đề nghị Tòa án tính lại lãi suất theo mức lãi Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày vay đến khi xét xử, đề nghị khấu trừ lãi suất bà đã đóng cho bà P vào phần vốn, cũng như số tiền bà đã trả bà P vào tháng 5/2017 là 142.000.000 đồng vào phần vốn.

Ông Trần Huỳnh V xác nhận bà P là em dâu của ông, việc bà P cho vợ ông mượn tiền ông không biết. Khi mượn tiền xong, bà T không sử dụng tiền này vào sinh hoạt chung gia đình nên ông không đồng ý liên đới cùng bà T trả số tiền trên cho bà P.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Về tố tụng Tòa án đã tiến hành đầy đủ và đúng quy định. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tính lại tiền lãi bà P đã nhận của bà T và khấu trừ vào phần vốn cũng như khấu trừ tiền bà T đã đưa bà P là 142.000.000 đồng.

NHẬN XÉT TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến tranh luận các đương sự, ý kiến kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: “*Tranh chấp hợp đồng góp hui, đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định Điều 184 BLTTDS; bà T và bà P có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 BLTTDS.

[2] Các nội dung đương sự thống nhất được: số tiền gốc bà P đã giao cho bà T là 350.000.000 đồng; tiền hui bà T còn thiếu bà P là 68.800.000 đồng. Bà T đã giao bà P là 142.000.000 đồng và lãi suất 5% từ ngày vay đến 30/5/2016 của số tiền 300.000.000 đồng mà bà T đã vay bà P. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 93 BLTTDS công nhận đây là tình tiết sự thật của vụ án không cần phải chứng minh.

[3] Các nội dung đương sự không thống nhất còn tranh chấp: Bà P yêu cầu bà T trả tiền lãi của số tiền 350.000.000 đồng là: 119.700.000 đồng từ ngày 15/6/2016 đến ngày 21/11/2016, bà T có ghi nợ lãi nhưng không đồng ý trả; bà T có yêu cầu Hội đồng xét xử tính lại lãi xuất theo lãi Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày vay đến hết ngày 30/5/2016 đối với số tiền mà bà đã trả lãi cho bà P nhưng bà P không đồng ý tính lại lãi suất mà bà đã nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng: theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố*” và theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về lãi suất cơ bản của Việt Nam đồng để tính lãi suất, mức lãi suất cơ bản là 9%/năm tức là 0,75%/tháng. Lãi suất cao nhất các bên đương sự được thỏa thuận theo quy định khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 là 1,125%/tháng tức là 13,5%/năm. Do đó lãi suất bà P nhận của bà T là 5%/tháng là quá cao nên cần điều chỉnh lại 1,125%/tháng.

[4] Số tiền lãi bà P đã nhận của bà T được tính như sau: số tiền vay ngày 09/01/2015, bà T cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đến ngày 30/5/2016 là 16 tháng 21 ngày là 20.000.000 đồng x 16 tháng 21 ngày x 5% = 16.699.999 đồng; Ngày 29/01/2015, bà P cho bà T vay 30.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đến ngày 30/5/2016 là 30.000.000 đồng x 16 tháng 01 ngày x 5% = 24.050.000 đồng; Ngày 02/02/2015, bà P cho bà T vay 40.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đến ngày 30/5/2016 là 40.000.000 đồng x 15 tháng 28 ngày x 5% = 31.866.666 đồng; Ngày 10/02/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất

5%/tháng đến ngày 30/5/2015 là 20.000.000 đồng x 15 tháng 20 ngày x 5%/ tháng = 15.666.666 đồng; Ngày 23/02/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đến ngày 30/5/2016 là 20.000.000 đồng x 15 tháng 7 ngày x 5%/tháng = 15.233.333 đồng; Ngày 03/4/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đến ngày 30/5/2016 là 20.000.000 đồng x 13 tháng 27 ngày x 5%/tháng = 13.899.999 đồng; Ngày 05/4/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đến ngày 30/5/2016 là 20.000.000 đồng x 13 tháng 25 ngày x 5%/ tháng = 13.833.333 đồng; Ngày 17/4/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đến ngày 30/5/2016 là 20.000.000 đồng x 13 tháng 13 ngày x 5%/tháng = 13.433.333 đồng; Ngày 02/5/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đến ngày 30/5/2016 là 20.000.000 đồng x 12 tháng 28 ngày x 5%/tháng = 12.933. 333 đồng; Ngày 11/5/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đến ngày 30/5/2016 là 20.000.000 đồng x 12 tháng 19 ngày x 5%/ tháng = 12.633.333 đồng; Ngày 20/5/2015, bà P cho bà T vay 10.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đến 30/5/2016 là 10.000.000 đồng x 12 tháng 10 ngày x 5%/tháng = 6.166.666 đồng; Ngày 28/5/2015, bà P cho bà T vay 10.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đến ngày 30/5/2016 là 10.000.000 đồng x 12 tháng 02 ngày x 5%/tháng = 6.033.333 đồng; Ngày 22/7/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đến ngày 30/5/2016 là 20.000.000 đồng x 10 tháng 08 ngày x 5%/tháng = 10.266.666 đồng; Ngày 28/7/2015, bà P cho bà T vay 10.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đến ngày 30/5/2016 là 10.000.000 đồng x 9 tháng 02 ngày x 5%/tháng = 4.533.333 đồng; Ngày 27/10/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đến ngày 30/5/2016 là 20.000.000 đồng x 07 tháng 03 ngày x 5%/tháng = 7.099.999 đồng. Tổng cộng bà P nhận tiền lãi của bà T là 204.349.992 đồng.

[5] Số tiền lãi bà T phải trả bà P theo quy định là 1,125%/tháng từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm là: Ngày 09/01/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng tính đến ngày 14/8/2017 là 31 tháng 05 ngày x 1.125%/tháng x 20.000.000 đồng = 7.012.500 đồng; Ngày 29/01/2015, bà P cho bà T vay 30.000.000 đồng đến ngày 14/8/2017 là 30 tháng 15 ngày x 1.125%/tháng x 30.000.000 đồng = 10.293.750 đồng; Ngày 02/02/2015, bà P cho bà T vay 40.000.000 đồng đến ngày 14/8/2017 là 30 tháng 12 ngày x 1.125% x 40.000.000 đồng = 13.680.000 đồng; Ngày 10/02/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng tính đến ngày 14/7/2017 là 30 tháng 04 ngày x 1.125%/tháng x 20.000.000 đồng = 6.780.000 đồng; Ngày 23/02/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng đến ngày 14/8/2017 là 29 tháng 21 ngày x 1.125% x 20.000.000 đồng = 6.682.500 đồng; Ngày 03/4/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng đến ngày 14/8/2017 là 28 tháng 11 ngày x 1.125% x

20.000.000 đồng = 6.382.500 đồng; Ngày 05/4/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng đến ngày 14/8/2017 là 28 tháng 09 ngày x 1.125% x 20.000.000 đồng = 6.367.500 đồng; Ngày 17/4/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng đến ngày 14/8/2017 là 27 tháng 27 ngày x 1.125% x 20.000.000 đồng = 6.277.500 đồng; Ngày 02/5/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng đến ngày 14/8/2017 là 27 tháng 12 ngày x 1.125% x 20.000.000 đồng = 6.165.000 đồng; Ngày 11/5/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng đến ngày 14/8/2017 là 27 tháng 03 ngày x 1.125% x 20.000.000 đồng = 6.097.500 đồng; Ngày 20/5/2015, bà P cho bà T vay 10.000.000 đồng đến ngày 14/8/2017 là 26 tháng 24 ngày x 1.125%/tháng x 10.000.000 đồng = 3.015.000 đồng; Ngày 28/5/2015, bà Phụng cho bà T vay 10.000.000 đồng đến ngày 14/8/2017 là 26 tháng 16 ngày x 1.125% x 10.000.000 đồng = 2.985.000 đồng; Ngày 22/7/2015, bà P cho bà T vay 20.000.000 đồng đến ngày 14/8/2017 là 24 tháng 22 ngày x 1.125% x 20.000.000 đồng = 5.565.000 đồng; Ngày 28/7/2015, bà P cho bà T vay 10.000.000 đồng đến ngày 14/8/2017 là 24 tháng 16 ngày x 1.125% x 10.000.000 đồng; Ngày 27/10/2015, bà cho bà T vay 20.000.000 đồng đến ngày 14/8/2017 là 21 tháng 17 ngày x 1.125% x 20.000.000 đồng = 4.852.500 đồng; Ngày 29/02/2016, bà cho bà T vay 50.000.000 đồng đến ngày 14/8/2017 là 17 tháng 15 ngày x 1.125% x 50.000.000 đồng = 9.843.750 đồng. Tổng cộng tiền lãi bà T phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 là 1,125%/tháng từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm là 104.769.000 đồng nhưng bà T đã trả bà P là 204.349.992 đồng dư ra 99.580.992 đồng số tiền này được cộng vào tiền vốn cho bà T.

[6] Tiền vốn bà T đã trả bà P là 142.000.000 đồng + 99. 580.992 đồng = 241.580.992 đồng.

[7] Ngoài ra từ ngày 15/6/2016 đến ngày 21/11/2016, bà T có ký xác nhận nợ cho bà P là 119.700.000 đồng, bà P cho rằng trong số tiền này có 30.000.000 đồng tiền vốn bà P mượn thêm vào các ngày 04/10/ 2016 và ngày 21/11/2016 nhưng bà T cho rằng toàn bộ số tiền 119.700.000 đồng là tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng bà T cho bà P vay 350.000.000 đồng lãi suất 5% từ ngày 15/6/2017 đến ngày 21/11/2016 là 05 tháng 06 ngày thành lãi là 90.999.999 nên 119.700.000 – 90.999.999 = 28.700.000 đồng là tiền mượn.

[8] Tiền vay, tiền mượn, tiền hụi bà T thiếu bà P 350.000.000 đồng + 68.800.000 đồng + 28.700.000 đồng = 447.500.000 đồng – 241.580.992 đồng (bà T đã trả) = 205.919.009 đồng (là số tiền bà T phải trả bà P).

[9] Số tiền bà P bị bác yêu cầu: 90.999.999 đồng (tiền lãi từ ngày 15/6/2016 đến 21/11/2016) + 99. 580.992 đồng (tiền lãi bà T trả dư) = 190.580.991 đồng.

[10] Tại phiên tòa bà P xác nhận việc cho bà T mượn tiền bà không có báo cho ông V biết cũng như bà T trình bày tiền bà mượn bà P chỉ trả tiền hui, tiền lãi cho bà P không chi xài sinh hoạt trong gia đình nên việc bà P yêu cầu ông V liên đới trả nợ là không có căn cứ.

[10] Về án phí: bà P phải chịu án phí phần không chấp nhận yêu cầu và bác yêu cầu; bà T phải chịu án phí phần buộc trả nợ cho bà P.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 35, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 256, Điều 476, Điều 479 Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P tranh chấp “Vay tài sản”, “Đòi tài sản ” và “Hợp đồng góp hui” với bà Võ Thị Thu T.

Buộc bà Võ Thị Thu T phải trả cho bà Nguyễn Thị P 205.919.009 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu chín trăm mười chín ngàn không trăm lẻ chín đồng)

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Thu T tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” với bà Nguyễn Thị P.

Bác yêu cầu bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà Võ Thị Thu T trả 190.580.991 đồng (Một trăm chín mươi triệu năm trăm tám mươi ngàn chín trăm chín mươi một đồng).

Áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành.

3/Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải nộp 9.529.049 đồng án phí DSST sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 12.965.600 đồng mà bà P đã nộp theo biên lai số 862 ngày 10/7/2017 tại Chi cục thi hành án huyện ĐH, tỉnh Long An. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị P là 3.463.551 đồng thảo biên lai nêu trên. Bà Võ Thị Thu T phải nộp 10.295.950 đồng án phí DSST sung vào Ngân sách Nhà nước được khấu trừ vào số tiền 10.250.000 đồng tạm ứng án

phí bà T đã nộp theo biên lai số 1014 ngày 28/7/2017 tại Chi cục thi hành án huyện ĐH. Bà T còn phải nộp tiếp 45.950 đồng.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện ĐH;
- Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Văn Hùng – Trần Thị Kim Hoa

Nguyễn Thị Mộng Thúy

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chiếu - Trần Trọng Nghĩa
Thầy

Nguyễn Thị Mộ Ng

